TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/DS-ST
Ngày 23 tháng 4 năm 2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thu Thương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cao Văn Truyện
Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Xuân Thắng – là Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuân Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 235/2024/TLST-DS về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2025/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng N; địa chỉ: B L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: bà Võ Thị Ánh T – chức vụ: Giám đốc phòng G theo Quyết định số 2665/QĐ-NHN_o-PC ngày 01/12/2022 của Tổng giám đốc Ngân hàng N và Giấy uỷ quyền số 19/UQ-NHN HV ngày 03/12/2024 của Tổng giám đốc A và Phó giám đốc A phụ trách điều hành Chi nhánh H1. Có mặt

* Bị đơn: Ông Phan Minh T1, sinh năm 1966 (vắng mặt) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: thôn Q, xã H, huyện H, tp Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 01/8/2024, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng N - người đại diện theo uỷ quyền là bà Võ Thị Ánh T trình bày:

Ông Phan Minh T1 và bà Nguyễn Thị H có vay vốn tại A Chi nhánh Huyện H1 với số tiền gốc là: 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất tiền vay là 10,5%/năm, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn không quá 150% lãi

suất cho vay trong hạn theo Hợp đồng tín dụng số 2008LAV202300100 ngày 17/01/2023, hạn trả vào ngày 17/01/2024. Mục đích sử dụng vốn vay: kinh doanh tạp hoá, trái cây...

- Hình thức bảo đảm: Thế chấp tài sản là nhà và đất ở tại thửa đất số 557, tờ bản đồ số 42 tại thôn Q, xã H, huyện H, tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số DG 242844 (Số vào số cấp GCN: CTs241204) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 12/07/2022 đứng tên bà Nguyễn Thị H theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2008-LCL-202300061 ngày 16 tháng 01 năm 2023 và Biên bản thoả thuận ngày 17/01/2023.

Từ ngày 18/01/2024 đến nay, ông T1 và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả gốc và lãi theo đúng kỳ hạn đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng.

Tổng cộng số tiền gốc, lãi tạm tính đến ngày 23/4/2025 là 1.448.431.436 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi mốt ngàn, bốn trăm ba mươi sáu đồng), trong đó: Nợ gốc là 1.200.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 172.717.808 đồng; nợ lãi quá hạn là 75.713.627 đồng.

Do đó Ngân hàng đề nghị Toà án buộc ông T1 và bà H phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền 1.448.431.436 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi mốt ngàn, bốn trăm ba mươi sáu đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 24/4/2025 đến khi thanh toán toàn bộ nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông T1 và bà H không thanh toán được khoản nợ trên thì đề nghị xử lý tài sản thế chấp và tài sản khác thuộc sở hữu của ông T1 và bà H theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ.

* Tại bản tự khai đề ngày 10/12/2024, bị đơn Phan Minh T1 trình bày: Ông xác nhận có vay vốn tại A Chi nhánh Chi nhánh Huyện H1 theo Hợp đồng tín dụng số 2008LAV202300100, ngày vay: 17/01/2023, cụ thể số tiền vay là 1.200.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm triệu đồng); mục đích vay vốn là kinh doanh tạp hoá, trái cây...; phương thức vay và trả gốc, lãi theo như người đại diện của Ngân hàng đã trình bày. Tuy nhiên do gia đình ông gặp khó khăn trong công việc nên không trả đúng hạn của Hợp đồng vay.

Tính đến ngày 09/12/2024 ông xác nhận nợ: 1.381.306.849đồng (Bằng chữ: Một tỷ, ba trăm tám mươi mốt triệu, ba trăm lẻ sáu ngàn, tám trăm bốn mươi chín đồng), trong đó: Nợ gốc là 1.200.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 130.241.096 đồng; nợ lãi quá hạn là 51.065.753 đồng;

Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng ông phải có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 09/12/2024 là 1.381.306.849đồng, ông xin được trả dứt điểm vào ngày 31/12/2024.

Trong trường hợp không trả đúng thoả thuận thì ông đồng ý xử lý tài sản thế chấp là nhà và đất ở tại thửa đất số 557, tờ bản đồ số 42 tại thôn Q, xã H, huyện H, tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài

sản khác gắn liền với đất số DG 242844 (Số vào sổ cấp GCN: CTs241204) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 12/07/2022 đứng tên bà Nguyễn Thị H theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2008-LCL-202300061 ngày 16 tháng 01 năm 2023 và Biên bản thoả thuận ngày 17/01/2023 theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án ông Phan Minh T1 được Toà án tống đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải lần 2, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị H được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do.*

* Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm: Bản sao Hợp đồng tín dụng số 2008-LDS-2023001127 ngày 17/01/2023 và phụ lục hợp đồng, phương án sử dụng vốn, bảng kê hàng hoá mua vào;Bản sao Hợp đồng thế chấp tài sản số 2013-LCL-202300061 ngày 16/01/2023, B bảo thoả thuận và phiếu đăng ký thế chấp; Bản sao GCNQSD đất, QSHNƠ và tài sản gắn liền với đất số DG242844, số vào sổ cấp GCN: CTs241204 do Sở T cấp ngày 12/7/2022; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh của bà Nguyễn Thị H, giấy chứng nhận kết hôn, chứng minh nhân dân và xác nhận nơi cư trú của bà H, ông T1; Bảng chi tiết tính gốc và lãi, Giấy báo nợ quá hạn, Thông báo đòi nợ, Thông báo về việc nộp đơn khởi kiện; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Ngân hàng N, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của chi nhánh; Quyết định uỷ quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2665/QĐ-NHN_o-PC ngày 01/12/2022; Quyết định về việc giao nhiệm vụ cho cán bộ số 2228/QĐ-NHN_o-TCNS 31/7/2024; Giấy uỷ quyền ngày 23/8/2024; Giấy uỷ quyền số 19/UQ-NHN HV ngày 03/12/2024; Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn; Thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ; Bảng kê tính lãi vay ngày 09/12/2024, ngày 23/4/2025.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang xét thấy: Hợp đồng tín dụng số 2008LAV202300100 ngày 17/01/2023 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 2008-LCL-202300061 ngày 16/01/2023, Biên bản thoả thuận ngày 17/01/2023 giữa Ngân hàng N và ông Phan Minh T1, bà Nguyễn Thị H đảm bảo quy định của pháp luật. Ông Phan Minh T1, bà Nguyễn Thị H sau khi vay vốn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó việc Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông T1, bà H trả số tiền gốc và lãi tính đến ngày 23/4/2025 là 1.448.431.436 đồng (Bằng chữ:

Một tỷ, bốn trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi mốt ngàn, bốn trăm ba mươi sáu đồng) là có cơ sở.

Căn cứ các Điều 299, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng 2024, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Phan Minh T1 và bà Nguyễn Thị H trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi tính đến ngày 23/4/2025 là 1.448.431.436 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi mốt ngàn, bốn trăm ba mươi sáu đồng) và trả trả lãi tiếp theo kể từ ngày 24/4/2025 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến khi dứt điểm nợ.

Trường hợp ông T1 và bà H không thanh toán được khoản nợ trên thì xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Bị đơn ông Phan Minh T1, bà Nguyễn Thị H được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Ông Phan Minh T1 và bà Nguyễn Thị H có vay vốn tại A Chi nhánh Huyện H1 với số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất tiền vay là 10,5%/năm, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn không quá 150% lãi suất cho vay trong hạn, theo hợp đồng tín dụng số 2008LAV202300100, ngày vay: 17/01/2023; hạn trả vào ngày 17/01/2024. Mục đích sử dụng vốn vay là kinh doanh tạp hoá, trái cây...

Hình thức bảo đảm: Thế chấp tài sản, cụ thể là nhà và đất ở tại thửa đất số 557. tờ bản đồ số 42 tại thôn Q, xã H, huyện H, tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số DG 242844 (Số vào số cấp GCN: CTs241204) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 12/07/2022 đứng tên bà Nguyễn Thị H theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2008-LCL-202300061 ngày 16 tháng 01 năm 2023 và Biên bản thoả thuận ngày 17/01/2023.

Từ ngày 18/01/2024 đến nay, ông T1 và bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, không trả gốc và lãi theo đúng kỳ hạn đã cam kết trong Hợp đồng tín dụng.

Tổng cộng số tiền gốc, lãi ông T1 và bà H còn nợ Ngân hàng tạm tính đến ngày 23/4/2025 là 1.448.431.436 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi mốt ngàn, bốn trăm ba mươi sáu đồng), trong đó: nợ gốc

là 1.200.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 172.717.808 đồng; nợ lãi quá hạn là 75.713.627 đồng.

Xét thấy, giao dịch dân sự vay tiền giữa vợ chồng ông T1, bà H và Ngân hàng được xác lập là hoàn toàn tự nguyện nên có hiệu lực pháp luật. Khi đến thời hạn trả nợ, ông T1 bà H không trả nợ đúng cam kết và hứa hẹn nhiều lần nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị vợ chồng ông T1, bà H trả số tiền gốc và lãi là có cơ sở, đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng 2024, buộc ông T1 và bà H trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi tính đến ngày 23/4/2025 là 1.448.431.436 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, bốn trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi mốt ngàn, bốn trăm ba mươi sáu đồng) và trả lãi tiếp theo kể từ ngày 24/4/2025 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi dứt điểm nợ.

Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số 2008-LCL-202300061 ngày 16 tháng 01 năm 2023 và Biên bản thoả thuận ngày 17/01/2023 đảm bảo quy định của pháp luật, do đó trường hợp ông T1 và bà H không thanh toán được khoản nợ trên thì tài sản thế chấp là nhà và đất ở tại thửa đất số 557, tờ bản đồ số 42 tại thôn Q, xã H, huyện H, tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số DG 242844 (Số vào số cấp GCN: CTs241204) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 12/07/2022 đứng tên bà Nguyễn Thị H theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2008-LCL-202300061 ngày 16 tháng 01 năm 2023 và Biên bản thoả thuận ngày 17/01/2023 được xử lý theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự.

[3] Án phí, chi phí tố tụng:

Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ, ông Phan Minh T1 và bà Nguyễn Thị H phải chịu. Án phí dân sự sơ thẩm ông Phan Minh T1 và bà Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật là 55.452.931đ (Năm mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng) [36.000.000đ + (1.448.431.436đ – 800.000.000đ) x 3% = 55.452.931đ].

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 299, Điều 466 của Bộ luật Dân sự; Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng 2024; Điều 147, 157, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với ông Phan Minh T1 và bà Nguyễn Thị H về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Xử:

1. Buộc ông Phan Minh T1 và bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng N số tiền gốc và lãi tính đến ngày 23/4/2025 là 1.448.431.436 đồng (Bằng chữ: Một

tỷ, bốn trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm ba mươi mốt ngàn, bốn trăm ba mươi sáu đồng) (trong đó tiền gốc là 1.200.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 172.717.808 đồng, nợ lãi quá hạn là 75.713.627 đồng) và trả lãi tiếp theo kể từ ngày 24/4/2025 theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi dứt điểm nợ.

Trường hợp ông T1 và bà H không thanh toán khoản nợ trên thì tài sản thế chấp là nhà và đất ở địa chỉ tại thửa đất số 557, tờ bản đồ số 42 tại thôn Q, xã H, huyện H, tp Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và Tài sản khác gắn liền với đất số DG 242844 (Số vào sổ cấp GCN: CTs241204) do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ cấp ngày 12/07/2022 đứng tên bà Nguyễn Thị H theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 2008-LCL-202300061 ngày 16 tháng 01 năm 2023 và Biên bản thoả thuận ngày 17/01/2023 được xử lý theo quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ ông Phan Minh T1 và bà Nguyễn Thị H phải chịu. Ngân hàng đã nộp tạm ứng và đã chi hết nên ông T1 bà H phải có nghĩa vụ trả lại cho Ngân hàng N.

Án phí dân sự sơ thẩm ông Phan Minh T1 và bà Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật là 55.452.931đ (Năm mươi lăm triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn chín trăm ba mươi mốt đồng). Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 25.665.493đ (hai mươi lăm triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn bốn trăm chín mươi ba đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0002464 ngày 11/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 23/4/2025. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Những người TGTT;
- VKSND h. Hoà Vang;
- Chi cục THADS h. Hoà Vang;
- Lưu hồ sơ;

(đã ký)

Huỳnh Thị Thu Thương